

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST

Ngày 03 – 7 - 2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thanh Trang

Ông Huỳnh Quốc Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 03 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1564/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Trúc L, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: Số G, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Trần Lê H, sinh năm 1990;

Địa chỉ: G, O, Y, 954-1 Hareewa B, Nhật Bản.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 10 năm 2022, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là Phạm Thị Trúc L trình bày:

Bà và ông H tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04/2020 ngày 20/01/2020. Sau khi kết hôn được 01 tháng thì ông H trở về Nhật Bản sinh sống, bà L sống ở Việt Nam, hai bên chỉ liên lạc với nhau qua video call. Sau khi ông H trở về Nhật Bản thì ông bà có liên lạc với nhau, đến tháng 5/2022 thì hai bên không còn liên lạc với nhau nữa. Trong thời gian này, giữa bà và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn do khác biệt về quan điểm

sống dẫn đến nhiều lần cự cãi. Ông H đã nhiều lần không tôn trọng nhân phẩm của bà, khiến bà và gia đình rất buồn phiền. Nay bà nhận thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Lê H, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung: Bà trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà Phạm Thị Trúc L có yêu cầu xin xét xử vắng mặt tại các buổi công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử của Tòa án do hiện tại bà bận công việc không thể tham gia được. Về phía bị đơn ông Trần Lê H đã được Tòa án tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp để thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông Trần Lê H đến Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng việc ủy thác không có kết quả vì địa chỉ của ông H không chính xác. Tòa án đã lập biên bản làm việc với bà L về việc yêu cầu đương sự cung cấp địa chỉ mới của ông H nhưng bà không cung cấp được, đồng thời bà L có yêu cầu Tòa án thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án. Do đó, theo quy định tại khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử trên cổng thông tin điện tử của Tòa theo thời gian quy định. Tuy nhiên, ông Trần Lê H vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Thị Trúc L và ông Trần Lê H theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Phạm Thị Trúc L và Trần Lê H là ly hôn, nguyên đơn bà Phạm Thị Trúc L đang ở Việt Nam, bị đơn ông Trần Lê H hiện đang ở nước ngoài (Nhật Bản) nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Trúc L và ông Trần Lê H tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04/2020 ngày 20/01/2020. Sau khi đăng ký kết hôn, ông bà chung sống được khoảng 01 tháng thì ông H trở về Nhật Bản; bà L sống ở Việt Nam. Sau khi ông H trở về Nhật

Bản thì hai bên có liên lạc với nhau, đến khoảng cuối tháng 5/2022 thì hai bên không còn liên lạc với nhau nữa. Trong thời gian này, bà L cho rằng giữa bà và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn do khác biệt về quan điểm sống dẫn đến nhiều lần cự cãi; Ông H đã nhiều lần không tôn trọng nhân phẩm của bà khiến cho bà và gia đình buồn phiền nên bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn ông H. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp thông báo thụ lý vụ án cho ông Trần Lê H nhưng không có kết quả, Tòa án đã tiến hành niêm yết quyết định xét xử lên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhưng vẫn không nhận được văn bản nêu ý kiến của ông H về những vấn đề bà L yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân của bà L và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không có quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà L yêu cầu ly hôn với ông H là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Trần Lê H nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Bà Phạm Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40, 147, 227, 228, 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Phạm Thị Trúc L đối với ông Trần Lê H.

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Trúc L được ly hôn với ông Trần Lê H.

Về con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Bà Phạm Thị Trúc L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng Tòa án không ghi nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Trần Lê H nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Trúc L phải nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000727 ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Bà Phạm Thị Trúc L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án. Ông Trần Lê H được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Trang

Huỳnh Quốc Trung

Phạm Văn Ngọt

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- UBND huyện Châu Thành;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt